

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+P5	7:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
2		MRM+RP3+TD5	7:25	7+14+1	0+0+0		0+17+5	0+0+0	Chuyến 1 MRM\TD5
3		PPD+BK4+RP1	7:25	8+5+8	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
4		TD2	7:25	19	0		19	0	
5		RP3+P10+P2	9:25	19+3+0	0+0+0		3+1+18	0+0+0	
6		PPD+BK8+BK14	9:25	21+1+0	0+0+0		18+1+3	0+0+0	Chuyến 1 PPD- BK8
7		P1+BK10+P4	11:25	6+1+15	0+0+0		1+4+16	0+0+0	
8		TD2	11:25	15	0		15	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: P4 - P5	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO THANH HAI	P4				17	105	PVE-PMC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P4				40	75	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
4	HÀ QUỐC VIỆT	P4	42	1	8		63	KHI	Vietnamese
5	BUI HUU LAN	P4	44	1	4		75	KHI	Vietnamese
6	PHAM MONG THANH	P4	43	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	TA VAN QUYNH	P4	47	1	4		72	KHI	Vietnamese
8	KIREEV	P4	45	1	5		90	NIPI	Russian
9	TRẦN KHOA TRUONG	P4	46	1	5		77	NIPI	Vietnamese
10	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	P5				10	66	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGOC LAM	P5	43	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HUNG	P5	04-06	3	15		67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO VĂN PHAN	P5	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUYẾT TIỀN	P5	39	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TRUNG HIEU-PVD	P5	01-02	2	17		77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG HAO	P5	07-08	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	42	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC TUÂN	P5	44	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN TUÂN LONG	P5	03	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	38	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN MINH HIEU	P5	48	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
22	ĐO NGUYỄN GIAP	P5	40-41	2	12		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	6	31	707	57	8		
2	P5	13	17	106	937	10	14		
TOTAL		22	23	137	1.644	67	22		
WEIGHT KG				137	1.644	67			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: MRM - RP3 - TD5	CREW: VThắng - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH TUAN	MRM	58	1	10		70	KTHAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CUONG	MRM	60	1	15		85	KTHAC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH CUONG	MRM	61	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HAI	MRM	59	1	19		77	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN ANH	MRM					80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC HÀ	MRM					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	MRM					70	KH-THAC	Vietnamese
8	DINH HOAI DUC	RP3	62	1	5		65	KHI	Vietnamese
9	TU NGOC HAI	RP3	64-65	2	11		74	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TAN	RP3					66	KHI	Vietnamese
11	LANH TRUNG DONG	RP3	63	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					78	KHI	Vietnamese
13	TRAN BA MAU	RP3	57	1	7		65	PSV	Vietnamese
14	BUI THO SON	RP3	59-60	2	12		67	BA SON	Vietnamese
15	VU VAN TOAN	RP3	58	1	4		73	DIEU HAN	Vietnamese
16	HO NGOC HUNG	RP3	61	1	6	75	81	KTHAC	Vietnamese
17	PHAN NGOC QUUYET	RP3	56	1	7		74	NIPI	Vietnamese
18	DANG THE ANH	RP3	55	1	5		65	NIPI	Vietnamese
19	DOAN XUAN CUONG	RP3	66	1	17		71	CDIEN	Vietnamese
20	NGUYEN DINH KHA	RP3	67-69	3	22		64	CDIEN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC DU	RP3	70-71	2	17		70	CDIEN	Vietnamese
22	LE MANH HUNG	TD5					72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	4	56	547	0	0		
2	RP3	14	17	117	983	75	17		
3	TD5	1	0	0	72	0	5		
TOTAL		22	21	173	1.602	75	22		
WEIGHT KG				173	1.602	75			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: PPD - BK4 - RP1	CREW: Hạnh - KHOÀN - Toàn	ETA: 09:15
CAM-1			

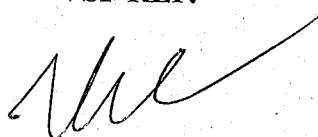
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	79	1	4		78	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	76-77	2	12		70	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	81	1	6		68	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	80	1	3	40	62	KHI	Vietnamese
5	PHAN VAN TUNG	PPD	83	1	9		77	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN ĐANG HUY	PPD	82	1	4		78	KHI	Vietnamese
7	TRAN VAN DUNG	PPD					75	KHI	Vietnamese
8	VÔ TÁ QUANG	PPD	78	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	HUYNH NAM LONG	PPD	86	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN ĐANG	BK4	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	BK4	11	1	10	39	85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUÝ TÀI	BK4	09	1	10	25	58	KH-THAC	Vietnamese
13	HA QUANG TRUNG	BK4	10	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HỒNG CƯỜNG	BK4	07-08	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TIÊN CƯỜNG	RP1	28	1	8	18	70	CODIEN	Vietnamese
16	TÁ HOÀI TRANG	RP1	31	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUỐC HOÀN	RP1	25	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	HA QUỐC VINH	RP1	22	1	5	35	70	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VIỆT DUNG	RP1	21	1	5		78	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUY	RP1	27	1	10		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN HUÂN	RP1	26	1	4		70	PSV	Vietnamese
22	VŨ MẠNH DUNG	RP1	23-24	2	8		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

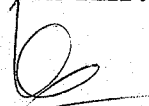
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	9	48	643	40	4		
2	BK4	5	6	52	338	64	3		
3	RP1	8	9	50	575	53	15		
TOTAL		22	24	150	1.556	157	22		
WEIGHT KG				150	1.556	157			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: KIÊN - Toàn	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	73	1	7	40	77	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	61	1	10		88	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN NGỌC LÊ	TD2	69	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	71	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	52	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	54	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	60	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	68	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
11	VÔ SĨ HOÀI THANH	TD2	62-63	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG ĐÌNH THẮNG	TD2	53	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	70	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRINH	TD2	55-56	2	11		77	PV GAS	Vietnamese
15	CAO TRỌNG TIẾN	TD2	64	1	8		60	MI-SWASCO	Vietnamese
16	NGÔ VĂN TRỌNG	TD2	57	1	8		59	MI-SWASCO	Vietnamese
17	LÊ TRUNG SƠN	TD2	72	1	7		71	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÍNH	TD2	65-67	3	18		75	CODIEN	Vietnamese
19	TRỊNH NGỌC TỬ	TD2	58	1	10	12	68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

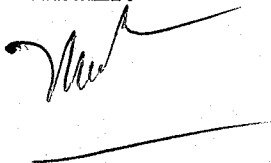
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	21	131	1.342	52	19		
TOTAL		19	21	131	1.342	52	19		
WEIGHT KG				131	1.342	52			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2020	TO: RP3 - P10 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	RP3	80-81	2	14	36	70	CODIEN	Vietnamese
2	PHAN MẠNH HÙNG	RP3	82-83	2	14		68	CODIEN	Vietnamese
3	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	77-78	2	13		69	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					70	KHI	Vietnamese
5	PHAN SỸ DUYỆT	RP3	87	1	6		75	KHI	Vietnamese
6	NGÔ THANH LAM	RP3	39	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	PHẠM DUY DŨNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG LINH	RP3	38	1	4		72	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VŨNG HÙNG	RP3					81	KHI	Vietnamese
10	THẠCH HOÀNG NGHĨA	RP3	41	1	6		59	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	84	1	3		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP3	40	1	5		56	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	79	1	6		72	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP3	76	1	2		50	PSV	Vietnamese
15	PHAN SỸ CAO	RP3	85	1	2		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HIỆU	RP3	86	1	4		59	PSV	Vietnamese
17	BUI QUỐC DƯƠNG	RP3	91	1	5		52	PSV	Vietnamese
18	PHI VĂN TÚ	RP3	88	1	6		63	PSV	Vietnamese
19	KHÔNG QUỐC TIẾN	P10	42-43	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ BA QUYÊN	P10	44-45	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM TIẾN HẢI	P10	83-84	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	18	94	1.192	36	3		
2	P10	3	6	51	197	0	1		
3	P2	0	0	0	0	40	18		
TOTAL		21	24	145	1.389	76	22		
WEIGHT KG				145	1.389	76			

GRAND TOTAL: 1.610 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT:	TO: PPD - BK8 - BK14	CREW: VThắng - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD					85	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	18	1	5		60	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	19	1	5		67	KHI	Vietnamese
4	LÊ MINH PHỤNG	PPD	15	1	5	40	74	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	01	1	3		75	KHI	Vietnamese
6	VŨ THANH BÌNH	PPD	09	1	5		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	12	1	4		59	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG THAI	PPD	10	1	5		64	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	07	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC HAI	PPD	16-17	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	06	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	08	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN SƠN HẢI	PPD	11	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	TRẦN HOANG CHUÔNG	PPD	02	1	7		62	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	14	1	5		50	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	13	1	5		76	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐEN	PPD	03	1	7		52	DUYLINH	Vietnamese
19	LÊ QUANG HUY	PPD	20-21	2	15		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	PPD	04	1	8		63	PSV	Vietnamese
21	VŨ HỒNG QUANG	PPD	05	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	VŨ ANH TUẤN	BK8	80-81	2	10	25	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	21	115	1.466	40	18	11	CHUYỂN 1 PAX PPD SANG BK8
2	BK8	1	2	10	65	25	1		
3	BK14	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	125	1.531	65	22		
WEIGHT KG				125	1.531	65			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: P1 - BK10 - P4	CREW: Hạnh - VLin - Toan	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU NGHỊ	P1	90	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH LÝ	P1	89	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ BÌNH MINH	P1	94	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	P1	92	1	10	12	75	XAYLAP	Vietnamese
5	VÕ KIM THÔNG	P1	95-96	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ NGỌC KHÁNH	P1	91	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN DANG	P1	88	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	25	1	6	50	65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	61	1	10		75	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	64-65	2	8		77	KHI	Vietnamese
11	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	66	1	7		78	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	58	1	9		68	KHI	Vietnamese
13	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	60	1	3		86	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	56	1	8		77	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	59	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	HOANG THAI DƯƠNG	P4				10	75	KHI	Vietnamese
17	ZHURBIN N.B	P4	57	1	6		95	KHI	Russian
18	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	54	1	5		77	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ANH	P4	62	1	7		58	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MINH	P4	55	1	17		84	T-TIN	Vietnamese
21	MAI XUÂN QUY	P4	52-53	2	14		65	T-TIN	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG THẮNG	P4	63	1	8		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	8	84	454	12	1		
2	BK10	1	1	6	65	50	4		
3	P4	14	15	107	1.063	10	17		
TOTAL		22	24	197	1.582	72	22		
WEIGHT KG				197	1.582	72			

GRAND TOTAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: TD2	CREW: HHai - TRƯỜNG	ETA: 14:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU QUANG DAT	TD2	90	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC BIEU	TD2	82	1	9		63	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DOAN	TD2	91	1	12		100	CODIEN	Vietnamese
4	KIEU TUAN ANH	TD2	77	1	8		87	DVL	Vietnamese
5	TRAN VAN NGHIA	TD2	88	1	15		86	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG	TD2	81	1	10		75	DVL	Vietnamese
7	ĐẠNG TRỌNG THỨC	TD2	83	1	7		70	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HA	TD2	78	1	13		72	DVL	Vietnamese
9	LUU BA XO	TD2	79-80	2	15		79	DVL	Vietnamese
10	BUI HUY BANG	TD2	89	1	14		65	DVL	Vietnamese
11	BUI SI CUONG	TD2	94	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
12	ĐINH EM	TD2	84-85	2	7		70	GETRACO	Vietnamese
13	TRAN QUANG UT	TD2	86-87	2	18		70	SCHLUMB	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DOAN	TD2	92-93	2	15		58	SCHLUMB	Vietnamese
15	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	76	1	3		120	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	19	159	1.155	0	16		
	TOTAL	15	19	159	1.155	0	16		
	WEIGHT KG			159	1.155	0			

GRAND TOAL: 1.314 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

